

VIETNAMESE MARRIAGE CUSTOMS THROUGH FOLK JOKES

Dang Quoc Minh Duong

Van Hien University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	01/3/2024	Marriage is an important thing in a person's life. This cultural feature is reflected quite clearly through works of the folk literature genre. In recent times, a number of projects have raised the issue of studying the marriage customs of some ethnic groups through a number of genres such as fairy tales, proverbs, folk songs, etc. However, the study of Vietnamese marriage customs through folk jokes is still open. We use a number of operations and methods such as collecting and researching folk jokes related to traditional Vietnamese marriage customs combined with synthesis, comparison and interdisciplinary research methods to clarify the imprint of Vietnamese marriage customs through these stories. The results show that Vietnamese folk jokes reflect customs such as child marriage, polygamy, wedding challenges, in-laws, and chastity,... thereby revealing laughter that is both refreshing but also has the meaning of gentle criticism and sarcasm.
Revised:	14/5/2024	
Published:	14/5/2024	
KEYWORDS		
Marriage		
Polygamy		
In-laws		
Virginity		
Child marriage		

PHONG TỤC HÔN NHÂN NGƯỜI VIỆT QUA TRUYỆN CƯỜI DÂN GIÀN

Đặng Quốc Minh Dương

Trường Đại học Văn Hiến

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	01/3/2024	Hôn nhân là chuyện quan trọng của đời người. Nét văn hóa này được phản ánh khá rõ nét qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học dân gian. Trong thời gian qua, một số công trình đã đặt vấn đề nghiên cứu phong tục hôn nhân của một số dân tộc qua một số thể loại như truyện cổ tích, tục ngữ, ca dao,... Tuy vậy, việc nghiên cứu phong tục hôn nhân người Việt qua truyện cười dân gian vẫn còn bỏ ngỏ. Chúng tôi sử dụng một số thao tác, phương pháp như thu thập, tìm hiểu tư liệu các truyện cười dân gian liên quan đến phong tục hôn nhân cổ truyền của người Việt; sau đó, kết hợp với phương pháp tổng hợp, so sánh và phương pháp nghiên cứu liên ngành để làm rõ dấu ấn của phong tục hôn nhân của người Việt qua các truyện kể này. Kết quả cho thấy truyện cười dân gian người Việt phản ánh các phong tục như tảo hôn, đa thê, thách cưới, ở rể và chuyện trinh tiết,... qua đó bộc lộ tiếng cười vừa sáng khoái nhưng cũng có ý nghĩa đả kích, châm biếm nhẹ nhàng.
Ngày hoàn thiện:	14/5/2024	
Ngày đăng:	14/5/2024	
TỪ KHÓA		
Hôn nhân		
Đa thê		
Ở rể		
Trinh tiết		
Tảo hôn		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9820>

Email: duongdqm@vhu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

237

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Phong tục hôn nhân - cưới hỏi là một trong những cột mốc quan trọng của đời người. Nó thể hiện rõ nét bản sắc văn hóa của từng dân tộc, vùng miền khác nhau. Những nét văn hóa này cũng được phản ánh khá rõ nét qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học dân gian như ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích,... và cả trong các truyện cười dân gian.

Trong thời gian qua, ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu, tìm hiểu phong tục hôn nhân qua các thể loại văn học dân gian. Xuất phát từ góc nhìn dân tộc học, Dương Nguyệt Vân và Nguyễn Thị Minh Thu, đã tìm hiểu các hình thức hôn nhân trong truyện cổ tích Việt Nam [1]. Ở một bài viết khác trước đó thì hai tác giả này đã tập trung tìm hiểu về chủ đề hôn nhân trong truyện cổ tích của hai dân tộc Tày, Nùng [2]. Cùng chung cảm hứng này, Bàn Thị Quỳnh Giao đã tìm hiểu hai hình thức hôn nhân phổ biến trong văn học dân gian người Việt và một số tộc người miền núi phía Bắc là chủ đề hôn nhân đơn hôn và hôn nhân phức hôn [3],... Riêng về người Việt, trong thời gian qua cũng đã có một số công trình bài viết nghiên cứu, tìm hiểu một số vấn đề liên quan đến phong tục hôn nhân của người Việt. Ở thể loại ca dao có một số luận văn, bài viết như luận văn “Văn hóa ứng xử về tình yêu và hôn nhân trong ca dao người Việt” [4] của Nguyễn Thanh Trang hay đi sâu từng tập tục có bài viết của Phan Cẩm Thượng bàn về chữ trính qua bài viết “Tập tục trính tiết: Chữ trính kia cũng có ba bảy đường”. Qua việc khảo sát các tài liệu lịch sử, nhà nghiên cứu kết luận rằng: “cho đến thế kỷ 15, và nhất là thời Hậu Lê thế kỷ 17, 18, người phụ nữ giữ trính tiết cho đến khi lấy chồng là rất quan trọng, nếu họ để mất điều đó thì cũng đồng nghĩa với sự bất hạnh cả đời” [5]. Trần Thị Hoàng Mỹ thì lại tìm hiểu hình ảnh tiền cheo cưới trong ca dao người Việt [6]. Với thể loại truyện cổ tích, tác giả Dương Nguyệt Vân nhận thấy rằng: truyện cổ tích phản ánh rất phong phú chủ đề hôn nhân, trong đó nó “chứa đựng và phản ánh nhiều vấn đề về văn hóa, phong tục dân tộc học và các hình thức hôn nhân trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại” [7]. Không chỉ giới hạn trong phạm vi người Việt, một số bài viết lại có cái nhìn so sánh đối chiếu nét phong tục này giữa các dân tộc, quốc gia. Chẳng hạn, mới đây Lê Thị Thanh Mai và Nguyễn Thị Hải Yến, qua thể loại tục ngữ để tìm hiểu sự tương đồng trong quan niệm về hôn nhân của người Việt và người Hàn. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng: “Cả người Việt và người Hàn đều rất coi trọng hôn nhân, đều cho rằng để duy trì mối quan hệ hôn nhân tốt đẹp, hạnh phúc, bền vững, vợ chồng cần phải cùng nhau vun đắp tình cảm, xây dựng kinh tế và thực hiện nghĩa vụ, bổn phận với gia đình, dòng tộc. Người Việt và người Hàn cũng có nhiều quan niệm tương đồng về cách ứng xử trong quan hệ vợ chồng” [8]. Song song đó cũng phải kể đến một số công trình khác như công trình của Phan Kế Bính [9], của Đào Duy Anh [10], của Trần Ngọc Thêm [11], của Lê Thi [12],... Điềm qua những nghiên cứu trên để thấy rằng, hôn nhân trong văn học dân gian là một hướng tiếp cận khá thú vị, trong thời gian qua cũng đã có khá nhiều bài viết nghiên cứu, tìm hiểu.

Khi tìm hiểu truyện cười dân gian người Việt, chúng tôi thấy rằng dân gian đề cập khá nhiều đến phong tục hôn nhân truyền thống của người Việt. Số lượng truyện kể phản ánh các nét văn hóa này không ít. Tuy vậy, đến nay chúng tôi vẫn chưa thấy bài viết nào tìm hiểu, nghiên cứu về vấn đề này. Do vậy, bài viết sẽ tìm hiểu, phân tích về vấn đề truyện cười dân gian người Việt phản ánh các phong tục như tảo hôn, đa thê, thách cưới, ở rể và chuyện trính tiết,... qua đó bộc lộ tiếng cười vừa sáng khoái nhưng cũng có ý nghĩa đả kích, châm biếm nhẹ nhàng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện bài viết này, chúng tôi đã sử dụng một số thao tác, phương pháp như: tiến hành thu thập, tìm hiểu tư liệu của hơn 50 truyện cười dân gian liên quan đến phong tục hôn nhân của người Việt; sau đó, kết hợp với phương pháp tổng hợp, so sánh và phương pháp nghiên cứu liên ngành để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Tục tảo hôn

Ngày nay, theo quy định tại khoản 8, điều 3, Luật Hôn nhân gia đình 2014 thì “tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn” – tức nam chưa đủ 20 tuổi, nữ chưa đủ 18 tuổi [13]. Tuy vậy, trước đây thì nam 18, nữ 16 tuổi là được quyền kết hôn. *Thiên Nam dư hạ tập* quy định: “con trai 18 tuổi trở lên, con gái từ 16 tuổi trở lên, bản thân và người chủ hôn không có tang từ 1 năm trở lên, bảo với cha mẹ hoặc người trưởng tộc là có thể thành hôn” [14, tr. 305]. Thậm chí, theo tục lệ thời xưa thì tuổi kết hôn còn sớm hơn nữa, “nữ thập tam, nam thập lục” – tức con trai 16 tuổi, con gái 13 tuổi là có thể dựng vợ gả chồng được. Phan Kế Bính, trong *Việt Nam phong tục* cũng cho rằng: “Con trai con gái độ mười lăm, mười sáu tuổi trở lên, đã là tuần sắp sửa lấy vợ lấy chồng. Hai ba mươi tuổi cưới gọi là muộn. Cũng có nhà cưới cho con từ năm mười hai, mười ba tuổi, có nhà ước hôn với nhau từ trong thai” [10, tr. 58]. Ngày xưa, hôn nhân không phải là kết quả của sự tìm hiểu, của tình yêu mà là hướng đến mục đích “duy trì gia thống”, “chỉ cốt được nơi xứng đáng, được nơi môn đăng hộ đối”. Do vậy mà “khi con cái còn trẻ dại mà cha mẹ cũng đính ước, thành ra cái tệ tảo hôn” [11, tr. 127]. Khảo sát cho thấy có nhiều truyện cười kể về tục tảo hôn, về chuyện con trẻ lập gia đình khi chưa đủ tuổi khôn lớn.

Kể về tục tảo hôn, trước hết dân gian kể về câu chuyện phòng the. Đó là chuyện kể về cô dâu chú rể mà trong *Đêm động phòng* vẫn không biết làm gì. Do vậy, anh chàng “thấy cảnh gà trống đập gà mái, mới bảo vợ lấy hai cái toi, mỗi người choàng một cái giả dạng hai con gà; rồi chàng le te xòe hai cánh tay như cánh gà trống vỗ, nàng cục cục như tiếng gà mái. Cứ như thế chàng kê kê bên nàng tới tới lui lui trong phòng mãi cho đến sáng!” [15, tr. 315]. Truyện *Con cười cái gì?* kể về anh chàng còn bé tí tẹo mà bố mẹ đã cưới cho cô vợ to xác và lớn tuổi hơn. Ngày cưới vợ về, “bố mẹ xua mãi, cậu ta mới phải vào buồng ngủ với vợ”. Thấy chồng cứ nằm yên thì vợ “bế chồng nằm lên bụng mình. Ai ngờ, cậu ta lại chuôi xuống”. Đã thế, cậu này còn kể với bố mẹ chuyện “cái đứa tôi hôm qua bỗng người ta lên bụng!” [15, tr. 154-155]. Tình huống oái oăm này đã nói lên những hạn chế, lỗi thời của hủ tục tảo hôn. Truyện *Có ai thủng bụng không?* còn ly kỳ hơn. Truyện cũng kể về chàng rể còn nhỏ nên “chưa biết vấn đề sinh lý ra sao cả”. Đêm tân hôn, “người vợ cầm tay anh cho đi ngao du khắp nơi trên thân thể mình nhưng đều vô tích sự”. Được sự tư vấn của mẹ, cô dâu bôi dầu lên bụng, “dầu trơn đưa bàn tay anh ta tuột vào cái lỗ... Anh nghĩ đã làm vợ mình thủng bụng, nên lập tức ngồi dậy bỏ chạy mất” [15, tr. 198-199]. Truyện kể này làm nhớ đến truyện *Thằng ót tở*, kể về cô gái nọ lấy chồng già. Bị bạn bè mỉa: “Tiếng đồn em lấy chồng già/Đêm nằm em thấy ót cả ra răng?”, thì cô trả lời rằng: “Tre già còn dẻo hơn măng/Ốt cả tra có hột hơn thằng ót tở” [16, tr. 33]. Đúng là do còn trẻ người non dạ nên các cô dâu – chú rể này gây nên bao câu chuyện cười ra nước mắt.

Đã không rành về chuyện phòng the, thì rõ ràng những tân lang non tơ còn rất ngờ nghệch chuyện cư xử ở đời. Truyện cười dân gian có nhiều truyện kể về sự vụng về trong ứng xử của chàng rể, thể hiện sự dốt nát, ngớ ngẩn, trở thành nguyên nhân để người đời chê cười. Truyện *Con xin chịu* kể về một chàng rể đi ở rể. Muốn lấy lòng nhạc phụ tương lai, “chàng luôn bắt chước cách đi, lối nói của ông nhạc” [15, tr. 87]. Anh ta máy móc, rập khuôn làm theo lời bố dặn, hễ thấy bố vợ làm gì thì làm nấy. Gặp lúc đang ăn món canh bún, “ông già bị sặc một sợi bún từ miệng lộn lên mũi, lòng thông ở lỗ mũi”. Thấy cảnh đó, anh chàng đành chịu thua vì “cách gì chứ cách ấy thì con xin chịu” [15, tr. 87]. Truyện *Đôi củ* cũng có nội dung tương tự. Đó là truyện kể về “anh chàng tuổi còn nhỏ mà phải đi làm rể”. Biết tính con mình nên ông bố căn dặn trước “nếu bên ấy có dọn khoai thì nhớ ăn đôi củ, nhà tuy đói kém nhưng con cũng phải biết làm khách” [15, tr. 343]. Y lời cha dặn, lúc ăn khoai, “chàng ta cứ cầm hai củ một lần, không cần bóc vỏ, cắn đầu nhai” [15, tr. 343]. Còn truyện *Chàng rể bé* là một minh chứng về chuyện ăn uống. Truyện kể về “anh mới tí tuổi đã đi làm rể. Lần nào đến nhà bố vợ, cha cũng phải đi cùng” [17, tr. 400]. Lần nọ giỗ bên nhà bố vợ, và đã được cha dặn “đừng liếm đĩa nhé! Liếm đĩa, bên nhà vợ người ta cười cho đấy”. Khi ăn cơm uống rượu xong thì chàng rể chạy lại bên cha nói “Hôm nay con không

liếm đĩa nhé. Có đĩa cá rán ngon lắm, cha liếm đi kia!” [17, tr. 400]. Đúng là chàng rể trẻ người non dạ, còn nhiều ngờ nghệch.

Như vậy, qua những truyện kể trên, dân gian đã cho thấy nhiều tình huống oái oăm trong chuyện tảo hôn. Mượn câu chuyện cười để kể về những cô dâu/người vợ, chú rể/ông chồng tuổi đời non trẻ, với nhiều va vấp, hạn chế, thiếu hiểu biết, dân gian đã thể hiện thái độ cười chê, để chúng ta ý thức được những hạn chế, nhằm đi đến quyết định phải thay đổi, điều chỉnh, thậm chí là chấm dứt. Bởi một mặt thì lúc này “huyết khí chưa được sung túc đã có vợ có chồng, thậm chí có đứa con gái hỷ mũi chưa sạch đã đi về làm dâu. Vì thế sinh con đẻ cái ra nhiều đứa còm cõi ngằng nghiu, gây nên một giống nòi yếu ớt. Và lại lúc tuổi trẻ, còn đang tuổi học hành, tìm kế lập thân, vậy mà đã vương vịu về đường vợ con, thì làm gì được nữa, thành ra lại làm cho hư cả người” [8, tr. 6].

3.2. Tục đa thê

Đa thê là hình thức hôn nhân giữa một người đàn ông với nhiều phụ nữ. Đây là một hủ tục cũng đã tồn tại trong xã hội Việt Nam một thời gian khá dài. Trong xã hội truyền thống của người Việt, đa thê được chấp nhận trong một số trường hợp như lấy vợ đã lâu mà không có con hoặc nếu vợ chỉ sinh con gái thì chồng có quyền cưới vợ lẽ. Nhưng pháp luật buộc rằng phải có vợ chính bằng lòng thì chồng mới được cưới vợ lẽ. Theo thói thường khi vợ chính không con hay là lấy chồng lâu mà không có con trai thì tự mình đi hỏi và cưới thiếp cho chồng, chứ không đợi chồng phải đòi.

Khảo sát các truyện, không thấy truyện nào kể về việc cưới vợ lẽ vì vợ chính không có con hay vì không đẻ con trai, mà vì nhiều lý do khác nhau. Truyện *Má nó còn rầy gì nữa?* kể về chuyện anh chồng làm biếng, bịa chuyện thầy tướng số phán “phải hai vợ cầm của mới đậu, bằng không thì nghèo đời. Thà má nó chịu kiếm thêm cho tôi di nhỏ nữa, chừng ấy khỏi biếu, tôi cũng phải bươn chải, má nó chẳng cần phải lo gì nữa”. Khi cưới được vợ nhỏ rồi, anh này còn làm biếng hơn trước. Vợ truy vấn thì được anh giải thích: “Khi trước một mình má nó còn nuôi nổi tôi, huống giờ có thêm di Hai. Má nó còn rầy tôi gì nữa?” [16, tr. 289]. Như vậy, truyện cho thấy rằng, việc cưới thêm vợ bé là vì lười biếng. Truyện kể cũng góp phần làm cho anh chồng lộ rõ chân tướng là kẻ thích vô công rồi nghề. Chi tiết anh chồng mượn chuyện thầy tướng số cũng là sáng tạo của dân gian để qua đó góp phần giải thiêng, hạ bệ các nhân vật quý thần hay làm nghề tướng số - vốn tồn tại trong xã hội truyền thống Việt Nam.

Phan Cẩm Thượng rất có lý khi xem tục đa thê là hậu quả của nạn tảo hôn, vì lập thân lúc trẻ đại, “khi chuyển sang trung niên, sự chênh lệch sẽ hiện ra, trong khi người đàn ông còn trẻ, người vợ đã về già” [4, tr. 87]. Như vậy, ở đây việc cưới thêm vợ lẽ chưa thấy chuyện làm sang ở đâu, mà chỉ thấy nhu cầu sinh lý, đam mê nhục dục. Các truyện cười đều cho thấy khi có nhân ngã, anh chồng luôn muốn gần vợ bé, vì vợ sau chắc chắn còn trẻ và tươi mới hơn vợ chính. Như thế, không chỉ là truyện cười mà qua những câu chuyện này dân gian cũng ngầm ý kể về câu chuyện bất nghĩa, bởi anh chồng này vì vợ lẽ mà đã ngó lơ, đã không đoái hoài gì đến vợ chính – người đã chia sẻ ngọt bùi, kẻ đã góp công rất lớn trong việc xây dựng cơ ngơi hiện tại. Giờ đến lúc kinh tế đủ đầy hơn, lại là lúc tuổi xuân khép lại thì kẻ chịu ân mình lại biến mình thành người thừa. Chính vì thế, dân gian cảm thông, xây dựng nhân vật vợ chính với ít nhiều quyền uy trong chuyện chăn gối. Các truyện kể đều cho rằng anh chồng muốn đến với vợ bé luôn phải vượt qua một “chướng ngại vật” là vợ chính, luôn là chuyện không hề dễ dàng. Truyện *Anh hai vợ* kể về màn mời chào, đối đáp của bộ ba này. Đây là lời mời của vợ bé: “Đêm khuya, gió lộng sóng yên/ Lái kia có muốn, ghé thuyền sang chơi”. Anh chồng muốn sang với vợ bé nhưng bị vợ cả ôm giữ, mới đáp rằng: “Muốn sang bên ấy cho vui/ Mắc đồn lính gác khó xuôi được đò”. Nghe vậy, chỉ vợ cả liền hát: “Sông kia ai cấm mà lo/ Muốn xuôi thì nộp thuế đò rồi xuôi”. Cô vợ bé vội đáp: “Chẳng buồn chẳng bán thì thôi/ Qua đồn hết vốn còn xuôi nổi gì” [17, tr. 94-95]. Ngoài truyện kể này, còn có một số bản kể khác cùng cốt kể như *Hai vợ nằm chèo queo*, *Xiêu cái cột buồm*, *Nạp thuế*, *Chồng một thì lấy, chồng chung thì đình*,... Đại khái các truyện này đều nói chuyện vợ cả yêu cầu chồng trước lúc đến với vợ lẽ thì phải “đóng thuế” cho vợ cả đã. Khổ nỗi, chắc tuổi

đã cao và sức người có hạn nên nếu “đóng thuế” cho vợ cả rồi thì: “Vốn liếng đây nó có bao nhiêu/ Ghé qua nộp thuế e xiêu cột buồm” hay “Thuyền anh có đáng giá chỉ mô/ Em đòi nộp thuế e xiêu cái cột buồm” [17, tr. 96]. Đúng là trở trêu, khó xử quá! Dân gian kể về chuyện phòng the mà rất ý vị, rất văn hoa. Việc này vừa lách được những cấm kỵ của lễ giáo, mặt khác cũng dễ dàng truyền tải được những thông điệp kín đáo của mình.

Truyện kể trên cũng cho thấy người vợ lẽ không có nhiều quyền hành như vợ chính. Ngay cả trong chuyện sinh hoạt của vợ chồng cũng chịu sự kiểm tỏa khá chặt chẽ bởi vợ cả. Không những thế, khi vợ lẽ có con, con cũng phải xem vợ chính là mẹ đích của mình, phải để đại tang lúc mẹ đích qua đời. Vợ lẽ “phải phục tùng vợ cả như là chồng. Được người vợ cả có lượng khoan dung, thì coi vợ lẽ như chị, em một nhà. Nếu phải người vợ cả cay nghiệt, thì sai bảo hành hạ như kẻ ăn người ở, vợ lẽ cũng phải chịu [10, tr. 74]. Truyện *Câu đối của người vợ nhỏ* kể về anh chồng hai vợ, ra về đối, nếu ai đối được thì “tối đó anh ta sẽ được vô buồng người đó”. Tuy vợ nhỏ đối được về đối “Vợ cả vợ hai hai vợ đều là vợ cả” thành “Con dòng con giống giống con mới thiệt con dòng” nhưng vẫn bị bà vợ lớn túm lấy áo la lớn rằng: “Thôi thôi tui biết mẹo của ông rồi! Ông bày đặt để vô buồng con mẹ kia chớ gì. Tui, tui đây nè, chính thiệt vợ lớn, tui chưa ưng ông đừng hòng ra khỏi buồng chớ đừng nói cả hai đều là vợ cả nhen” [17, tr. 373]. Vợ cả thật cương quyết. Điều này cũng làm cho anh chồng và vợ bé những tiếng nuôi và hột hăng!

Pháp luật, luật tục không ngăn cấm nhưng trong thực tế, đa thê không gặp nhiều trong dân thường mà chủ yếu xuất hiện nhiều trong gia đình những kẻ tai to mặt lớn. Về việc này, L. Cadière cho rằng “việc đa thê không nhiều ở Việt Nam. Thường thì tầng lớp quan lại, hay người giàu có mới có đa thê. Người nghèo mà người nghèo là đa số chỉ một vợ, vì phải có của mới duy trì được hậu cung và một đàn con đông đúc”. Không những thế, việc lấy nhiều vợ làm con được xem là “điều vinh dự, cho nên ở các nhà giàu sang đàn ông thường lấy nhiều vợ lẽ để sanh con đàn con lũ mà lấy tiếng với đời” [9, tr. 128-129]. Truyện *Đa thê* kể về Diêm vương trong buổi tập hợp các quan trong triều. Sau câu lệnh “Ai có một vợ đứng bên trái. Ai có hai vợ đứng bên phải” thì có ông quan “lúng túng, đi tới đi lui không biết đứng vào đâu” vì tay này có đến ba bà vợ. Nhưng chưa dừng ở đó, nhà Vua còn yêu cầu tay quan này “xếp hàng sau trăm”, vì trăm còn hơn cả khanh [15, tr. 280]. Truyện này cho thấy một thực tế, đa thê là câu chuyện chủ yếu của những kẻ tai to, mặt lớn; chức vụ càng cao, bổng lộc càng nhiều thì lại càng nhiều vợ.

Như vậy, tuy được sự bảo hộ của pháp luật cũng như luật tục nhưng qua việc kể về những tình huống tréo ngoe trong các gia đình đa thê xưa, dân gian cũng ngầm gửi gắm thông điệp về sự đả kích, chế giễu một cách kín đáo về tục lệ này. Hơn nữa, hủ tục này cũng chủ yếu xuất hiện trong các gia đình quyền quý, giàu sang, điều này cho thấy rằng dân gian đã góp phần giải thiêng, hạ bệ các nhân vật tai to mặt lớn.

3.3. Tục thách cưới

Thách cưới là một tục lệ xuất hiện từ thời xa xưa, tạo thành truyền thống của người Việt. Thời xưa, muốn lấy được vợ, nhà trai phải đáp ứng được đòi hỏi về lễ vật mà nhà gái đưa ra. Nếu không đáp ứng được thì nhà gái sẽ không gả con. Chúng ta thấy rõ dấu ấn của tục này qua truyện *Sơn tinh, Thủy tinh* với lời thách cưới của vua Hùng dành cho hai chàng: “Hai người đều vừa ý ta cả, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Ngày mai, nếu ai đem đồ sính lễ đến đây trước: một trăm ván cơm nếp, hai trăm nếp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, thì được rước dâu về”. Không chỉ là chuyện tục lệ, thách cưới còn được luật hóa. *Luật Hồng Đức* có 02 điều quy định về vấn đề sính lễ. Điều 314 quy định: Người kết hôn không đủ sính lễ đến nhà gái mà thành hôn với nhau một cách cầu thả thì phải biếm một tư theo luật lệ sang hèn, bắt phải nộp tiền tạ cho cha mẹ (nếu cha mẹ chết cả thì nộp cho trưởng họ, hay người con gái phải phạt 50 roi). Điều 315 cũng quy định ngược lại, đã nhận đồ sính lễ rồi lại thôi không gả con nữa thì cũng bị phạt trọng, xử tội đồ [14, tr. 117].

Thực tế cho thấy nhiều gia đình coi sự gả chồng cho con như là bán con nên họ thách cưới cao với nhiều tiền bạc, lễ vật. Điều này làm cho hai bên sui gia mất hết sự thiện cảm. Cũng có gia

đình, vì hạnh phúc con trẻ mà phải miễn cưỡng đi vay mượn, lo cho xong việc, rồi thì “cái nợ ấy, có khi con mình về nhà chồng lại phải nai lưng cố sức ra làm ăn để trả” [10, tr. 64-65]. Đó là trường hợp về lão phú hộ “giàu có mà hay hợm hĩnh” trong truyện *Thách cưới*. Lão ta ra điều kiện: “một bò, một heo, hai tấn rượu, một mâm trâu cau, một tráp bự tiền giấy lão mới gả con cho”. Lời thách cưới này làm cho “nhiều chàng trai nhăm nhe chạm ngõ nhưng không đủ lễ vật, nên cáo lui” [16, tr. 28]. Có chàng trai tinh quái nọ kiếm củ khoai lang gọt y hệt con heo, cắt giấy xếp vào tráp làm tiền, đổ đầy hai tấn nước mưa làm rượu,... và anh bò vô bò ra làm bò! Nói chung là toàn đồ giả. Khi Hương cả xử kiện, anh ta biện hộ để được thắng kiện – được vợ. Truyện *Con xin chín chục* cũng kể rằng: nhà gái muốn từ chối anh học trò nghèo vì anh này “chưa làm nên danh phận gì” bằng cách “thách cưới thật cao”: một trăm quan. Chàng rể thương lượng “con xin chín chục”. Cách thương lượng nước đôi này làm nhà gái tưởng chàng rể chỉ xin bớt chút đỉnh nên bằng lòng. Nào ngờ, đến ngày cưới, chàng rể chỉ đặt lên cái mâm có mười quan tiền, bố vợ hỏi thì anh giải thích: “Hôm trước bố nói một trăm, con xin chín chục, bố đã bằng lòng rồi, vậy không còn mười quan là gì!” [15, tr. 187-188]. Các truyện kể này đề cao sự khôn khéo, mảnh lỏi của anh học trò nghèo, và đặc biệt thông qua đó đã góp phần phê phán, chế giễu thói hợm hĩnh cũng như tục thách cưới quá đáng của những ông bố bà mẹ ngày xưa.

Ngoài hai truyện vừa nêu, phần lớn các truyện kể đều kể rằng nhà gái không thách cưới nhà trai bằng tiền bạc, hiện vật mà bằng các thách đố khác như thi làm thơ văn, thi bắn cung, thi chạy nhanh (*Xem thơ kén rể, Kén rể*), thi đánh cờ (*Tài đánh cờ*), thông chữ (*Thành hoàng lấy mất chữ*), thi về câu đối (*Đối được vợ/Câu đối được vợ*). Là một đất nước có truyền thống hiếu học, trọng văn nên xưa nay chuyện thi phú, thông chữ, câu đối luôn được xem trọng. Song song đó, trong sinh hoạt thường ngày, người Việt vẫn thường có các hình thức giải trí như đánh cờ, chạy nhảy,... Do vậy mà khi thách cưới, một số phụ mẫu cũng mượn các hình thức thi tài này. Cũng có khi đó là những cuộc thi tài kỳ lạ, oái oăm như thi tài lười biếng (*Kén rể lười*), thi ai làm cho vừa buồn cười, vừa sợ (*Vừa buồn cười vừa sợ*), thi tài chịu đòn,... Truyện *Ba nết tre* được vợ kể về lời thách cưới lạ đời của ông bố làm nghề đan rổ: “Thằng mô chổng mông cho tau nết ba nết, tau gả con gái cho liền” [17, tr. 187-188]. Anh hàng xóm vốn nổi tiếng láu lỉnh, từ lâu đã ngấp nghé cô gái con ông đan rổ, chạy qua chịu trận và được vợ. Truyện *Tài ăn cứt chó* kể về ông nọ đưa ra thách đố “đứa nào ăn được ba bãi cứt chó thì tao gả con gái cho”. Anh kia “mua mặt và bột về nấu ba bát chè lam, đổ làm ba đồng trên mấy chiếc lá trong vườn ông cụ”, rồi “ăn rất ngon lành” [16, tr. 8] và thắng cuộc. Truyện *Ở rể* kể về gia đình nọ chỉ có hai cha con. Ông già muốn chọn rể bằng tiêu chí “không biết chửi thề” – thời gian thử thách là một năm. Anh ta bị ông già lừa để vác bao khô ra chợ - trong đó có ông ngồi. Tưởng không ai nghe biết, anh buột miệng chửi thề và bị mất vợ. Sau khi nắm được sự tình, chàng bợm đã ở rể thành công và được vợ [15, tr. 233]. Như vậy, ngoài việc đề cao mưu trí, các truyện này còn khai thác cái nghịch dị trong dân gian, nhằm thu hút người đọc. Đó là một nghệ thuật, thể hiện sự sáng tạo của dân gian.

Thách cưới là chuyện nhà gái dành cho nhà trai. Có khi đã nộp đủ lễ vật rồi nhưng chú rể còn phải chịu thêm cái ải của chính người vợ mới được hưởng đêm động phòng. Truyện *Cô dâu thử tài chú rể* rằng: Tối hôm động phòng, cô dâu đóng cửa buồng, không cho chú rể vào, bèn ra một câu đối, bảo đối được mới mở cửa. Cô đọc: “Hang Thiên Thai, then khóa động đào, đóng chặt lại kéo chàng Lưu quen lối cũ” và chú rể đối “Cửa Hàm Cốc, lòng khuôn tạo hóa, mở toang ra cho ông Bái dẫn quân vào” [15, tr. 211]. Truyện ít nhiều ghi lại dấu ấn văn hóa câu đối, mặt khác cũng có ý đề cao “dân trí” của người nữ. Về mặt danh chính, tuy không được tham gia hoạt động giáo dục nhưng khá nhiều người phụ nữ - nhất là những người con gái con quan lại, con thầy đồ vẫn cho thấy sự hiểu biết về văn hóa, chữ nghĩa, cũng như tài ứng đối của mình.

Như vậy, khác với thực tế cứng nhắc và gây nhiều khó khăn cho chàng rể, trong truyện cười, dân gian chỉ khai thác một vài tình huống thách cưới lạ đời, nhằm đề cao mưu trí, mảnh lỏi của chàng rể và cũng qua đó làm bật lên tiếng cười. Đó cũng là cách thể hiện sự phản kháng một cách kín đáo, ý nhị của người bình dân nghèo khổ với tục thách cưới – một tục lệ do những người lắm của đặt ra làm khổ sở bao người.

3.4. Tục ở rể

Người Việt theo chế độ phụ hệ. Theo đó, người nam làm chủ gia đình và đóng vai trò chính trong các sinh hoạt xã hội, hoạt động chính trị, kinh tế, pháp luật,... Trong hôn nhân, sau khi tổ chức đám cưới, gia đình mới thường sinh sống bên nhà trai. Tuy vậy, “theo tập quán địa phương sau lễ đám hỏi chàng trai phải đến nhà cô gái ở một thời gian và làm một số công việc, ngụ ý để trả ơn cho cha mẹ cô gái đã có công sinh thành ra cô và chăm sóc nuôi dưỡng cô từ thuở ấu thơ đến tuổi trưởng thành” (*Làm rể*) [16, tr. 217]. Đây cũng là dịp để bên nhà gái biết thêm về chàng rể tương lai của mình. Với chàng trai thì đây là thời gian thử thách nhiều chông gai, khó khăn. Chính vì thế mà trong *Hồng Đức thiện chính thư*, nhà Lê quy định: “Nhà trai đã tuân theo hôn lễ, đưa đồ sính lễ rồi đón dâu thì con gái phải về nhà chồng, không được theo tục cũ, bắt người chồng phải ở rể hết 3 năm mới cho con gái về nhà chồng” [14, tr. 443].

Trước hết, đó là thử thách về khả năng lao động. Trong thời gian này, chàng rể tương lai phải làm mọi công việc của gia đình vợ. Truyện *Làm rể* kể về anh nọ “làm việc rất chăm chỉ, bên đàn gái ai cũng khen và cảm thấy thỏa mãn về người con rể tương lai” [15, tr. 218]. Truyện *Làm theo bố vợ* kể về anh chàng kia, tính rất khù khờ. Đi làm rể, mẹ dặn “thấy bố vợ làm gì con phải làm theo, chớ đừng hếch mặt mà nhìn, người ta cười cho”. Vậy nên, thấy bố vợ cuốc đất anh ta đỡ lấy cuốc và nói “Thầy để con làm cho”. Làm chưa xong thấy bố vợ đi trồng chuối anh cũng vứt cuốc, lật đất chạy theo và bảo để anh làm cho và cứ thế bố vợ làm gì anh cũng làm theo mà chả việc gì thành sự. Thậm chí thấy bố vợ đập mẹ vợ một đập anh cũng “co cẳng đập cho mẹ vợ thêm một đập nữa ngã lẩn kèn” [16, tr. 221-222]. Anh chàng này chắc chắn mất vợ rồi. Cũng tương tự là truyện *Thằng quáng mạnh đi làm rể*: kể về anh chàng quáng mạnh đi làm rể nhưng do mất yếu nên gặp toàn chuyện nực cười như đi cày ruộng về thì bị té giếng, rồi khi mẹ vợ “gắp đồ ăn bỏ vô chén cho nó. Nó nghe xột xoạt, tưởng là con chó mẩn hỗn, nó mới gắp cái chày đập một cái lên đầu mẹ vợ” [15, tr. 235-236]. Việc thử thách khả năng lao động là cần thiết, hợp lý, vì qua bài kiểm tra này nhà vợ sẽ biết được anh chồng có đủ khả năng để lo cho vợ con không. Tuy vậy, vì tuổi đời còn trẻ, và nhiều anh chồng vương lẩn cổ tật khác nên việc thử lửa ở rể nảy sinh nhiều tình huống cười ra nước mắt.

Có khi là thử thách về lời ăn tiếng nói của con rể. Lời ăn tiếng nói là cách nói năng trong giao tiếp hàng ngày của mỗi người. Nó thể hiện tư chất và phẩm cách, bản chất của một con người. Khảo sát cho thấy cũng có trường hợp chàng rể có những lời nói lịch sự, nhã nhặn, đúng đắn. Truyện *Đi làm rể* là một minh chứng. Truyện kể về anh chàng lạnh trai, khéo miệng. Ăn hết cơm “mà không dám biểu bới thêm. Sẵn dịp ông nói chuyện mua nhà, anh ta luôn dịp nói theo: “Thưa cha bên tôi có thằng nó muốn bán một cái nhà, cây cột còn tốt, ước chừng bằng cái tượng cơm đây”. Ông ngó coi thì thấy trong tượng hết cơm, hỏi trẻ bới thêm cho nó ăn” [15, tr. 321]. Truyện *Ăn ốc đổ vỏ* kể về “anh chàng đi ở rể, anh ta tỏ ra rất ý tứ, nhất là trong chuyện ăn uống. Gia đình vợ rất hài lòng”. Được mời ăn ốc, anh cũng ăn vài con, khi được hỏi thì đáp “Thưa mẹ, thứ này con không hợp lắm”. Mẹ vợ nghĩ rằng anh ta cố ăn ít để nhường phần cho người khác, nên vui lòng lắm... Khi đi đổ vỏ, “anh cứ hút lại những con ốc đã ăn rồi một cách thèm thuồng những phần thừa còn dính lại”. Khi được hỏi thì anh ta nhanh trí trả lời “Dạ thưa mẹ, con tìm xem con ốc nào có thể thổi kêu được thì lấy làm kèn thổi chơi” [17, tr. 132]. Hai trường hợp trên là hạn hữu, còn lại phần lớn truyện cười đều kể về những lần chàng rể với những phát ngôn ngây thơ và ít nhiều ngu ngơ. Truyện *Làm rể* kể về anh nọ “không được ý tứ và khôn khéo” [15, tr. 217] nên bà mẹ nhắc “muốn cho được vợ, con phải đi đứng nói năng đường hoàng. Làm việc gì cũng phải cẩn thận”. Còn chuyện ăn uống nếu cảm thấy không cần thiết người ta có mời con bảo: “Dạ thưa ba má con ăn rồi”. Truyện *Chàng rể bé* – đã dẫn trên cũng kể về tục ở rể với nhiều tình huống cười ra nước mắt như vậy. Rõ là, tuy đã được cha mẹ nhắc nhở, chỉ dạy nhưng do tuổi đời còn non trẻ nên anh rể tí hon đã có nhiều phát ngôn mất điểm, làm trò cười cho thiên hạ.

Nhiều nhất là các truyện kể về thử thách chuyện ăn uống. Tục ngữ người Việt đúc kết: “Học ăn học nói học gói học mở”. Cha ông có lý khi xếp học ăn lên đầu trong các việc cần phải giáo dục con người, bởi ăn uống là cách hiệu quả nhất giúp người khác bộc lộ bản chất của mình.

Chính vì thế, từ thuở thiếu thời, người dân Việt vẫn thường được cha mẹ căn dặn phải giữ sự mực thước, phải có văn hóa trong ăn uống: “đừng ăn quá nhiều, quá ít; đừng ăn hết, đừng ăn còn. Ăn nhanh là người vội vàng thô lỗ, ăn chậm khiến người ta phải chờ; ăn nhiều, ăn hết là tham lam; ăn ít, ăn còn là chê cơm không ngon” [18, tr. 194]. Tuy các đấng bậc đã răn dạy nhưng do cuộc sống thường xuyên phải đối mặt với cái đói, và nhất là do tuổi đời còn non trẻ nên nhiều chàng rể đã lộ rõ bản chất của mình. Truyện *Mất vợ* kể về “anh chàng ăn uống rất hàm hồ” nên trước khi đi hỏi vợ má phải căn dặn cẩn thận. Có điều anh cứ máy móc áp dụng những nhắc nhở của má. Chẳng hạn má dặn ăn phải có dưa chén thì khi ăn bắp anh cứ rập khuôn thực hiện. Kể cho mẹ thì mẹ giải thích gặp trường hợp đó “thì phải bốc ăn”. Hôm sau, nhà vợ đãi cháo gà “anh ta thò tay bốc cả gà lẫn chén đưa vào miệng. Thế là mất vợ” [13, tr. 319]. Còn truyện *Làm rể Chương Đài* cũng kể về anh kia đi “làm rể nhà vợ ba bốn năm”, “ăn hết mười một, mười hai vại cà” mà vẫn chưa được cưới [13, tr. 220-221].

Như vậy, theo tục lệ, trước khi cưới được vợ, chàng rể phải đến nhà bố mẹ vợ ở rể một thời gian. Do chịu ảnh hưởng của nạn tảo hôn nên qua thời gian này các chàng rể đã gây ra bao chuyện hớ hênh, cười ra nước mắt về các chuyện ăn uống, nói năng, hay khả năng lao động.

3.5. Vấn đề trinh tiết

Theo quan niệm truyền thống, người phụ nữ phải giữ trinh tiết cho đến khi lấy chồng, nếu họ để mất điều đó thì cũng đồng nghĩa với sự bất hạnh cả đời. Gia đình chồng sẽ kiểm tra việc này rất kỹ bằng cách xem tướng cô dâu mới trước khi kết hôn và đêm tân hôn. Nếu một cô gái đã mất trinh trước đêm kết hôn, hôm sau họ lập tức bị trả về nhà bố mẹ với lễ vật là mâm xôi và cái thủ lợn bị cắt tai. Người phụ nữ đó hoặc sẽ ở vậy suốt đời, hoặc đi lang thang làm con ờ, nằng hầu chôn thị thành, ngỗ hầu mong kiếm được một đảng quân tử khác rộng lòng che chở. Chính vì thế, cô gái nào cũng được cha mẹ nhắc nhở về việc giữ gìn trinh tiết trước lúc lấy chồng.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các truyện cười dân gian khi đề cập đến vấn đề này kể rằng các cô gái đều giữ trinh tiết đến ngày lấy chồng. Chính vì thế mà sau đêm “ngũ hỷ” thì sớm mai thức dậy, nằng tùm tùm cười nói với chồng: Anh ơi! Em biết rồi, đó là chữ... “sướng hỷ”! (*Chữ gì*) [15, tr. 140-141]. Hoặc như chuyện *Nước mất vu quy* kể về cô gái tuy đã quá lứa vì mẹ ngăn cản nhưng khi cưới được chồng rồi thì một tuần sau về thăm mẹ đẻ... chỉ tấm tức khóc. Một lúc sau, nằng òa khóc nức nở. Bà mẹ hoảng kinh, dỗ mãi không nín, một lúc sau mới nghe con hờn dỗi nói: “Mẹ ác lắm! Lấy chồng sướng rứa mà cứ ngăn cản con không cho con lấy chồng. Biết vậy con lấy chồng sớm thì sướng biết mấy” [17, tr. 111]. Truyện này cùng cốt kể với truyện *Tạ ơn Châu ông* [16, tr. 14]. Hay đó là cái cảnh ngờ nghệch của anh ả trong *Đêm động phòng* không biết làm gì [15, tr. 315]. Thế mới biết là anh ả này còn trong trắng, ngây thơ lắm. Trường hợp tương tự còn gặp trong các truyện *Con gái nhà quê*, *Có ai thùng bụng không? Con cười cái gì?*, *Xèo xẹt*,... Không những là các chị em phải giữ trinh tiết mà ngay cả các anh cũng thường giữ điều này cho đến ngày lấy vợ. Truyện *Tiệc của trời* kể về anh kia đến 45 tuổi mới lấy vợ. Sau cái đêm đầu tiên ấy, anh ta khóc rống lên vì tiếc, mà rằng “trước kia mà biết có vợ “sướng” như vậy... thì cháu đã lấy cô ấy từ thuở lên ba. Có đâu để phí cả bốn mươi mấy năm trời... tới giờ mới biết mùi. Chao ôi! Tiếc ơi là tiếc! Hu hu!” [16, tr. 83]. Thậm chí có người con gái cưới chồng đã lâu mà vẫn đồng trinh. Đó là chuyện anh chàng chồng tẻ bạc kia trong truyện *Vợ còn đồng trinh*, mê bài bạc đến mức mà “khi cưới vợ về, đêm nào cũng thả đi đánh me” [16, tr. 127]. Anh này hư đồn đến mức còn đưa cả vợ ra để gán nợ!

Chúng tôi chỉ thấy một số truyện đề cập đến chuyện con gái không giữ được trinh tiết như *Con gái thật thà*, *Lộn thuốc*. Truyện *Con gái thật thà* kể về mẹ con bà góa nọ thuê thợ thay ngói. Trước khi đi chợ, mẹ dặn cô gái hỗ trợ giúp thợ. Lúc bà chủ đi vắng, thợ ta một tay cầm ngói, một tay cầm vôi, gọi cô gái ra giúp “vén hộ tôi cái quần một tí, để tôi đi tiểu”. Thấy cô gái ngại, từ chối nên tay thợ lấu linh hù dọa thêm, nào là mách chủ, nào sợ anh này tè cả quần. Cùng chiêu hù dọa đó, tay thợ này đã “đem cô ấy vào buồng, ấn cái ấy vào cái kia của cô ấy”. Khi bà mẹ biết, bà mắng rằng: “Cha vạ đời mày, mày để người ta “ấy” mày rồi” [15, tr. 160-161]. Còn truyện *Lộn thuốc* kể về cô

gái nọ “lỡ thất trinh, đến khi lấy chồng, bà mẹ muốn đánh lừa vị hôn phu” nên bày chiêu “mang theo ống mực đỏ bôi vào để anh ấy tin tưởng”. Nào ngờ đêm động phòng, vì “bận bịu nhiều việc, cô nàng luống cuống lấy lộn mực xanh”. Đến lúc nhìn thấy mực xanh thì cô rên rỉ “Mẹ ơi, con bị giáp mặt rồi” [15, tr. 266]. Như vậy, trinh tiết là chuyện quan trọng, hệ trọng. Thậm chí Nho giáo còn cực đoan đến mức như câu nói của Trình Di là “nếu như cưới người thất tiết về làm vợ, thì chính ta cũng thất tiết (...) Chết đói là việc rất nhỏ mà thất tiết là việc rất lớn” [17, tr. 89].

Không chỉ là chuyện chữ trinh trước khi lấy chồng, đó còn là chuyện trinh tiết khi chồng đã khuất bóng. Theo đó, lễ giáo phong kiến trói buộc người phụ nữ khi chồng mất đi cũng phải ở vậy thờ chồng, trông nom con cái – xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử! Tức người vợ góa phải ở vậy thủ tiết thờ chồng, không được đi bước nữa. Đây là một luật tục, một phong tục cho thấy sự bất công, thiếu nhân đạo, bất bình đẳng giới với người phụ nữ. Dân gian cảm hiểu những điều này. Chính vì thế, nhiều bà góa không chấp nhận quan niệm phi nhân tính này. Truyện *Cái áy của làng* kể về bà góa nọ có chữa, lý trưởng bắt phạt một con lợn, hai thùng xôi, mười chai rượu. Bà bắt bẻ: “cái áy của tôi, tôi có quyền dùng, can gì đến làng mà làng bắt vạ với tôi”. Lý trưởng nói bà “làm hại đến phong hóa của làng”. Bà nói “vậy ra cái áy của làng, làm hại đến phong hóa của làng”. Lần sau tái phạm, bà bắt lý “cái áy của làng, đã là của làng thì có ông Lý và các ông Hương giữ, can gì đến tôi mà bắt lỗi tôi” [17, tr. 340]. Không chỉ là chuyện người trẻ, dân gian còn kể về nhiều người phụ nữ tuy đã lớn tuổi nhưng không cam chịu kiếp ở giá mà vẫn tìm cơ hội tái giá. Truyện *Cẩn rằng mà chịu* kể về mẹ chồng và nàng dâu nọ đều góa bụa. Mẹ dặn con dâu: “Sổ mẹ con mình rui ro, thôi thì phải cẩn rằng mà chịu”. Đến khi mẹ chồng có tình nhân, con dâu nhắc lời dạy ấy thì mẹ trả lời: “Mẹ dặn là dặn con chứ mẹ còn rằng dâu nữa mà cẩn” [17, tr. 358]. Truyện này gợi nhắc về bài ca dao nổi tiếng: “Bà già đi chợ cầu Đông/ Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?/ Thầy bói xem quẻ nói rằng/ Lợi thì có lợi, nhưng rằng không còn”. Không chỉ là truyện cười, không chỉ là bài ca dao trào phúng mà khi phải đặt trong bối cảnh của Việt Nam thế kỷ XV – XVIII, khi mà xã hội đề cao vai trò của nhân vật trinh liệt, liệt nữ thì chúng ta mới hiểu và thấy được hết giá trị, ý nghĩa nhân đạo của những nhân vật nữ đã có những bút phá về lễ giáo như vậy.

Bên cạnh các phong tục trên, chúng tôi còn thấy một số phong tục, quan niệm hôn nhân khác ít nhiều cũng được dân gian đề cập đến trong truyện cười như phong tục lại mặt (*Nước mắt vu quy*), chuyện làm mai mối (*Làm mai*), tục cha mẹ đặt đầu con ngồi đó, quan niệm môn đăng hộ đối,... Tuy nhiên, vì tần số xuất hiện không nhiều nên chúng tôi không khảo sát.

4. Kết luận

Như vậy, qua việc khảo sát trên, chúng ta thấy rằng truyện cười dân gian phản ánh, lưu giữ những phong tục hôn nhân của người Việt như tục tảo hôn, đa thê, thách cưới, ở rề và chuyện trinh tiết. Điều thú vị là qua các truyện kể với giọng điệu bông lơn, hóm hỉnh, vui đùa, dân gian đã làm sinh động hóa các phong tục, tập quán, cũng như thông qua các truyện kể này dân gian đã góp phần phê phán các nếp sống mà theo họ là không thực sự phù hợp nữa như nạn tảo hôn, tục đa thê, tục thách cưới,... Cũng qua tiếng cười ta thấy được giá trị văn hóa xã hội đương thời; quan niệm về phong tục, đạo đức; tiếng nói nhân đạo; tiếng nói của người bình dân; tiếng nói phản kháng nhằm tạo dựng xã hội tốt đẹp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] N. V. Duong and T. M. T. Nguyen, “Forms of marriage in Vietnamese fairy tales viewed from an Ethnological perspective,” *Literary Research Magazine*, no. 04, pp. 10-18, 2019.
- [2] N. V. Duong and T. M. T. Nguyen, “The theme of marriage in the Tay and Nung fairy tale,” *Literary Research Magazine*, no. 5, pp. 22-26, 2018.
- [3] T. Q. D. Ban, “Two forms of marriage are popular in Vietnamese folk literature and some northern mountainous ethnic groups,” *Science Journal of Hanoi Metropolitan University*, no. 40, pp. 18-28, May 2020.
- [4] T. T. Nguyen, “Cultural behavior about love and marriage in Vietnamese folk songs,” Master's thesis in folk literature, University of Social Sciences and Humanities, Hanoi National University, 2014.

-
- [5] C. T. Phan, *Chastity customs (Lesson 1). Sports and culture*, October 15, 2013.
- [6] T. H. M. Tran, "Pictures of the wedding powder in Vietnamese song," *Dong Thap University Journal of Science*, no. 18, pp. 53-56, February 2016.
- [7] N. V. Duong, "The theme of marriage in fairy tales in the eyes of Vietnamese folklorists," *Arts and Culture Magazine*, no. 376, pp. 40-44, October 2015.
- [8] T. T. M. La and T. H. Y. Nguyen, "Similarity in the concept of marriage of Vietnamese and Korean people through proverbs," 2023. [Online]. Available: https://bachkhoatoanthu.vass.gov.vn/noidung/anpham/Lists/baiviettoanvan/View_Detail.aspx?ItemID=121. [Accessed January 10, 2024].
- [9] K. B. Phan, *Vietnamese customs*. Ha Noi: Literature Publishing House, 2022.
- [10] D. A. Dao, *Vietnam cultural history*. Ho Chi Minh City: Dong Thap General Publishing House, 1998.
- [11] N. T. Tran, *Vietnamese cultural establishment*. Ha Noi: Education Publishing House, 1999.
- [12] T. Le, *Similarities and differences in the concept of marriage and family among current generations of Vietnamese people*. Social Sciences Publishing House, 2009.
- [13] Vietnam Government Portal, "Law on Marriage and Family," 2023. [Online]. Available: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=175351>. [Accessed January 10, 2024].
- [14] N. N. Nguyen, *Some Vietnamese legal and regulatory documents - volume I: from the 15th to the 18th centuries*. Ha Noi: Social Sciences Publishing House, 2006.
- [15] C. B. Nguyen, *Vietnamese folk jokes*, vol. 2. Ha Noi: Social Sciences Publishing House, 2014.
- [16] C. B. Nguyen, *Jokes*, vol. 3. Ha Noi: Social Sciences Publishing House, 2009.
- [17] C. B. Nguyen, *Vietnamese folk jokes*, vol.1. Ha Noi: Social Sciences Publishing House, 2014.
- [18] C. T. Phan, *Customs of human life - Cultural customs of Vietnamese farmers in the 19th and 20th centuries*. Ha Noi: Nha Nam and Writers' Association Publishing House, 2017.